TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LỤC** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Huyền Tr, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: P304, khu tập thể B, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Phòng 12 A02 chung cư 26, đường L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền Tr trình bày:

Chị và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Th rượu chè, cờ bạc, gái gú. Chị Tr nhiều lần khuyên bảo anh Th nhưng anh Th không thay đổi. Anh Th nhiều lần bạo lực với chị. Trong quá trình chung sống anh Th đi làm nhưng không chu cấp tiền nuôi con; vô trách nhiệm với gia đình, con cái. Đến

tháng 5/2021 vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay; chị cùng con út là cháu A về sống với bố mẹ đẻ chị. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Huyền Tr đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/8/2021 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh quyết định đưa các con về quê sinh sống và làm việc do vợ chồng không đủ điều kiện nuôi dạy các con ở Hà Nội nhưng chị Tr không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay chị Tr đề nghị ly hôn anh hoàn toàn nhất trí để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Tr và anh Th xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, sinh ngày 18/10/2011; cháu Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 27/12/2017; cháu Nguyễn Bùi Bảo A, sinh ngày 13/6/2020. Hiện tại cháu A đang ở với chị Tr còn cháu Kh và cháu B đang ở với anh Th. Ly hôn, chị Tr và anh Th đề nghị giao chị Tr được nuôi cháu Nguyễn Bùi Bảo A; giao anh Th nuôi cháu Nguyễn Bùi Quang Kh và cháu Nguyễn Bùi Gia B; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Tr và anh Th đều xác định anh chị đăng ký kết hôn ngày 15/8/2011 nhưng đến ngày 18/10/2011 chị Tr sinh cháu Nguyễn Bùi Quang Kh. Anh, chị xác định cháu Kh là con chung của vợ chồng.

Chị Tr và anh Th đều xác định anh chị không có con nuôi và con riêng. Hiện tại chị Tr không có thai sản gì.

Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Th xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe máy nhãn hiệu Vision mua khoảng năm 2019 trị giá 39.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên chị Tr. Hiện nay chiếc xe còn trị giá 30.000.000 đồng và chị Tr đang quản lý sử dụng chiếc xe trên. Anh Th đề nghị giao cho chị Tr tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe và có trách nhiệm trả cho anh Th ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng.

Về công nợ: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Th xác định vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị H là thím của anh Th ở thôn C, xã L, huyện Th, tỉnh Hà Nam số tiền là 135.000.000 đồng; mục đích vay là lo cho công việc của vợ chồng và sửa nhà năm 2016; vay không có lãi. Sau đó ngôi nhà này vợ chồng đã bán năm 2019 được 570.000.000 đồng; số tiền này anh Th xác định đã trả nợ hết tuy nhiên vẫn chưa trả nợ cho bà H. Anh Th đề nghị chị Tr phải trả ½ số nợ cho bà H là 67.500.000 đồng và anh trả nợ cho bà H ½ số nợ là 67.500.000 đồng.

Về tài sản riêng, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Tr và anh Th đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền Tr đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn Th chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr với anh Th. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 27/12/2017 cho anh Th nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Bùi Bảo A, sinh ngày 13/6/2020 cho chị Tr nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung, công nợ: Chị Tr không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập; anh Th đề nghị chia tài sản chung và công nợ của vợ, chồng nhưng không nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên không có căn cứ để thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản riêng, đất nông nghiệp, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn: Anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tr và anh Th phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền Tr xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th, đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/8/2011 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Tr cho rằng anh Th rượu chè, cờ bạc, gái gú; chị nhiều lần khuyên bảo anh Th nhưng anh Th không thay đổi; anh Th nhiều lần bạo lực với chị. Đồng thời trong quá trình chung sống anh Th đi làm nhưng không chu cấp tiền nuôi con; vô trách nhiệm với gia đình, con cái. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr đề nghị ly hôn, anh Th nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nuôi dạy các con nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, còn chị Tr kiên quyết đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh Th xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, sinh ngày 18/10/2011; cháu Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 27/12/2017 và cháu Nguyễn Bùi Bảo A, sinh ngày 13/6/2020. Ly hôn, chị Tr và anh Th thống nhất giao các cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 27/12/2017 cho anh Th nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bùi Bảo A, sinh ngày 13/6/2020 cho chị Tr nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Tr và anh Th đều có chỗ ở, thu nhập và khả năng chăm sóc, giáo dục con của anh, chị là ngang nhau. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu Kh và cháu B đang ở với anh Th còn cháu A đang ở với chị Tr. Do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu không bị xáo trộn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Tr và anh Th; giao cho chị Tr nuôi dưỡng cháu A; anh Th nuôi dưỡng cháu Kh và cháu B. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung và công nợ cá nhân: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe máy nhãn hiệu Vision mua khoảng năm 2019 trị giá 39.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên chị Tr. Hiện nay chiếc xe còn trị giá 30.000.000 đồng và chị Tr đang quản lý sử dụng chiếc xe

trên. Anh Th đề nghị giao cho chị Tr tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe và chị Tr có trách nhiệm trả cho anh ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng. Đồng thời anh Th xác định vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị H là thím của anh Th ở thôn C, xã L, huyện Th, tỉnh Hà Nam số tiền là 135.000.000 đồng; mục đích vay là lo cho công việc của vợ chồng và sửa nhà năm 2016; vay không có lãi. Sau đó ngôi nhà này vợ chồng đã bán năm 2019 được 570.000.000 đồng; số tiền này anh Th xác định đã trả nợ hết tuy nhiên vẫn chưa trả nợ cho bà H. Anh Th đề nghị chị Tr phải trả ½ số nợ cho bà H là 67.500.000 đồng và anh trả nợ cho bà H ½ số nợ là 67.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, do nguyên đơn chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ vì chị xác định đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Vision thì đã bán để chi tiêu sinh hoạt chung, còn tiền anh Th vay bà H là thím anh Th thì chị không biết nên anh Th yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng thì anh phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 195, 200 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự do anh Th không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí hợp lệ anh Th không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng, như vậy anh Th đã từ bỏ yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng của anh. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 11/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã ban hành Thông báo số 02/TB-TA với nội dung: không thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là chiếc xe máy trị giá 30.000.000 đồng và công nợ cá nhân của vợ chồng là nợ số tiền 135.000.000 đồng của anh và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết đối với yêu cầu trên của anh Th. Anh Th có quyền khởi kiện để xem xét giải quyết đối với yêu cầu của anh bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản riêng, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Tr và anh Th đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Th; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị Tr xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Thuấn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 27/12/2017 cho anh Th nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bùi Bảo A, sinh ngày 13/6/2020 cho chị Tr nuôi dưỡng. Chị Tr, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Tr và anh Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Bùi Quang Kh, Nguyễn Bùi Gia B và Nguyễn Bùi Bảo A.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Huyền Tr chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Nguyễn Văn Th. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Tr đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai số AA/2021/0000486 ngày 16/12/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị Tr và anh Th đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị Huyền Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND p. C, B, Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng